

Bản án số: **85/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày: 15/4/2022  
V/v Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Dũng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông **Nguyễn Phước Tường**.

+ Ông **Trần Văn Nhu**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Bùi Quốc Hiền** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 559/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc Đ**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Phần trình bày của nguyên đơn:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 14/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Kim Liên trình bày:*

- Chị với anh Nguyễn Ngọc Đ cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì đến thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra sung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 9/2019 đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Đ.

-Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Ngọc Băng T, sinh ngày 20/11/2013 khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung; nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **2. Phần trình bày của bị đơn:**

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc Đ dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị L; Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện của chị L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng dân sự:**

##### **- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Nguyễn Ngọc Đ, anh Đ có địa chỉ tại xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

##### **- Về việc xét xử vắng mặt đương sự:**

Anh Nguyễn Ngọc Đ dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị L và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Mặt khác chị L cũng có đơn đề ngày 04/11/2020 xin Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị. Nhật thấy đơn xin vắng mặt của chị L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L và anh Đ.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

##### **- Về quan hệ hôn nhân:**

Chị L với anh Đ cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện Cái Bè. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì ly thân cho đến nay. Theo chị L khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra xung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đồng thời anh Đ đã bỏ nhà đi không sống chung với chị từ tháng 9/2019 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh Đ nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Xét thấy chị L với anh Đ cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến đầu tháng 9/2019 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L cương quyết ly hôn, còn anh Đ vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị L, xem như anh từ bỏ việc bảo vệ quyền lợi cho anh. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L cho chị được ly hôn với anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**- Về con chung:**

Anh chị có một con chung tên Nguyễn Ngọc Băng T, sinh ngày 20/11/2013. Từ khi ly thân đến nay chị L là người trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn chị có yêu cầu tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác Nguyễn Ngọc Băng T cũng có ý kiến được sống với chị L nếu cha mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L là giao con chung của anh chị tên Tâm cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con thì được khởi kiện bằng vụ kiện khác.

**- Về tài sản chung, nợ chung:** Chị L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

**[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L.

- Cho chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ.

**2. Về con chung:** Giao con chung của anh chị tên Nguyễn Ngọc Băng T, sinh ngày 20/11/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

**3. Về án phí:** Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001102, ngày 24/12/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

**4. Về quyền kháng cáo:** Chị L và anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B, huyện Cái Bè;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**PHẠM THANH DŨNG**